

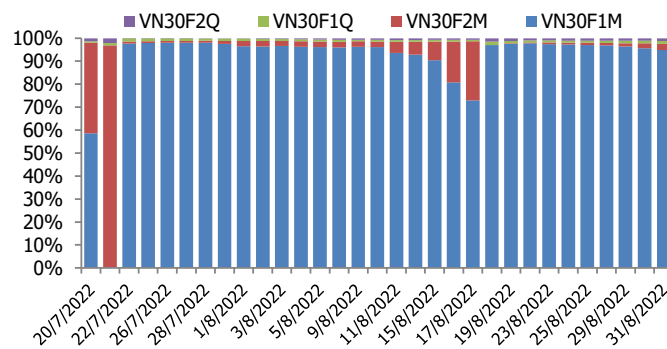
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2209 | 15/9/2022 | 13 | 1293.90 | 40,086 |
| VN30F2210 | 20/10/2022 | 48 | 1290.80 | 1,136 |
| VN30F2212 | 15/12/2022 | 104 | 1280.70 | 503 |
| VN30F2303 | 16/3/2023 | 195 | 1277.40 | 516 |

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Trong giao dịch ngày 31/08, cả 4 HĐTL giảm điểm ngay từ khi mở cửa, tuy nhiên, lực cầu xuất hiện giúp hợp đồng giảm co sát tham chiếu trong suốt phiên sáng. Sang đến phiên chiều, lực cầu liên tục đẩy giá các hợp đồng lên cao và đóng cửa hợp đồng VN30F2209 duy trì mức tăng cao gần nhất trong ngày. Basis của các HĐTL cải thiện so với phiên trước (-24,04 đến -7,54 điểm), điều này cho thấy nhà đầu tư vẫn đang dự phòng kịch bản rung lắc của chỉ số VN30-Index trong ngắn hạn. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng so với phiên liền trước, đạt 261.342 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 09 với 6.021 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 22.700 hợp đồng.

- Phiên cuối cùng của tháng 8 và cũng là phiên trước khi thị trường bước vào kỳ nghỉ lễ, dường như nhiều nhà đầu tư đã đóng tài khoản đi nghỉ nên giao dịch thị trường diễn ra chậm, VN-Index chỉ giảm co nhẹ quanh tham chiếu. Đột biến bắt đầu xảy ra từ 14h, khi có lực cầu nhằm vào một vài mã lớn, kéo VN-Index lên ngưỡng 1285 điểm. Tương chừng lực kéo này sẽ kích thích nhà đầu tư vào hàng, giúp thị trường giao dịch bùng nổ trong nửa cuối phiên chiều để có phiên giao dịch "đẹp" trước kỳ nghỉ lễ. Tuy nhiên, sự phân hóa ở nhóm cổ phiếu trụ cột khiến khiến VN-Index bị đẩy trở lại và chỉ có may mắn mới giữ được sắc xanh khi chốt phiên với mức điểm đóng cửa trên ngưỡng 1.280 điểm. Thanh khoản tiếp tục sụt giảm xuống mức thấp nhất hơn 1 tháng cho thấy tâm lý thận trọng chi phối toàn thị trường.

- Các chỉ số chính có phiên test thành công vùng hỗ trợ quan trọng, đồng thời thị trường đang có sự luân phiên dẫn dắt của các nhóm ngành chính. Do đó, có hai phương án giao dịch hợp lý: một là, mở thêm vị thế mua nếu giá điều chỉnh và phản ứng tốt với khu vực hỗ trợ trọng yếu là 1283-1288 điểm, đồng thời đặt điểm cắt lỗ tại 1278 điểm; hai là, mở vị thế mua khi giá vượt qua vùng cản 1296-1300 điểm. Đối với tầm nhìn trung và dài hạn, giá VN30F1M vẫn đang trong xu hướng tăng với các chỉ báo kỹ thuật cải thiện. Điểm còn thiếu lúc này là sự xác nhận của khối lượng giao dịch và giá vượt qua vùng cản gần 1296-1300 điểm. Áp dụng cho chiến lược giao dịch theo xu hướng, nắm giữ vị thế Long như khuyến nghị ở bản tin trước và tăng tỷ trọng khi giá vượt qua ngưỡng 1296 điểm, Stoploss nếu thủng 1278 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

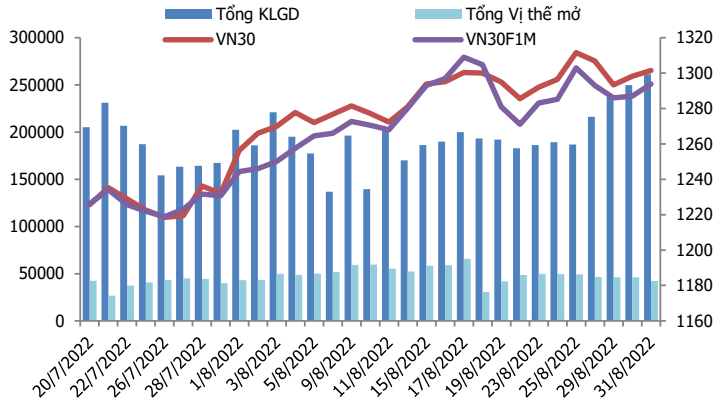
Nhà đầu tư có thể xem xét rải lệnh Mua VN30F2209 quanh khu vực 1283-1288 điểm trong các pha điều chỉnh. Điểm quản trị rủi ro là mốc hỗ trợ 1278 điểm, hướng đến mức giá mục tiêu 1296-1300 điểm, tùy phản ứng giá để xem xét có nên chốt vị thế sớm, áp dụng chiến lược giao dịch trong biên độ.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Nắm giữ vị thế Long, tăng tỷ trọng nếu vượt qua vùng cản 1296 điểm, mức quản trị rủi ro ở ngưỡng 1278 điểm.

Chiến lược giao dịch spread

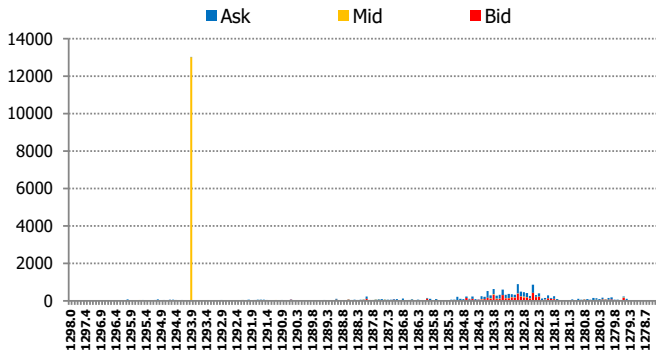
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2209 | 1293.9 | 0.54 | 260,325 | 4.8 | 40,086 | -9.4 |
| VN30F2210 | 1290.8 | 0.49 | 869 | -22.8 | 1,136 | 14.1 |
| VN30F2212 | 1280.7 | 0.19 | 31 | 3.3 | 503 | -1.6 |
| VN30F2303 | 1277.4 | 0.54 | 117 | 7.3 | 516 | -0.2 |
| Tổng | | | 261,342 | 4.7 | 42,241 | -8.7 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Trong giao dịch ngày 31/08, cả 4 HĐTL giảm điểm ngay từ khi mở cửa, tuy nhiên, lực cầu xuất hiện giúp hợp đồng giảm cơ sát tham chiếu trong suốt phiên sáng. Sang đến phiên chiều, lực cầu liên tục đẩy giá các hợp đồng lên cao và đóng cửa hợp đồng VN30F2209 duy trì mức tăng cao gần nhất trong ngày.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay tăng 4,7% so với phiên liền trước, đạt 261.342 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 09 với 260.325 hợp đồng. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 09 với 6.021 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 22.700 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2209 là 1.302,04 điểm (cao hơn 8,14 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2210 là 1.303,65 điểm (+12,85 điểm), VN30F2212 là 1.306,24 điểm (+25,54 điểm) và VN30F2303 là 1.310,45 điểm (+33,05 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

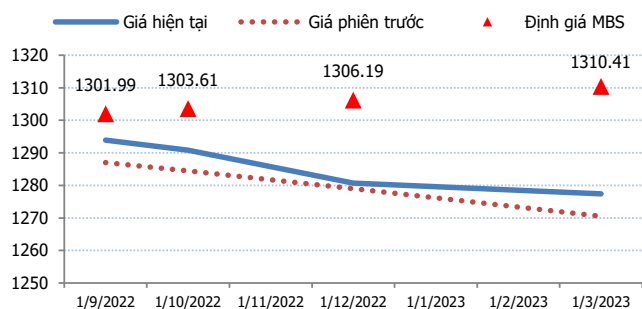
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | BUY | BUY | BUY |
| Hỗ trợ | 1283-1288 | 1268-1272 | 1250-1256 |
| Kháng cự | 1296-1300 | 1309-1312 | 1336-1343 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|--------|
| VN30F2M - VN30F1M | -3.1 | -2.50 | -0.6 | -4.36 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -13.2 | -8.00 | -5.2 | -11.78 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -10.1 | -5.50 | -4.6 | -7.42 |
| VN30F2Q - VN30F1M | -16.5 | -16.50 | 0 | -18.24 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -13.4 | -14.00 | 0.6 | -13.88 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -3.3 | -8.50 | 5.2 | -6.46 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M

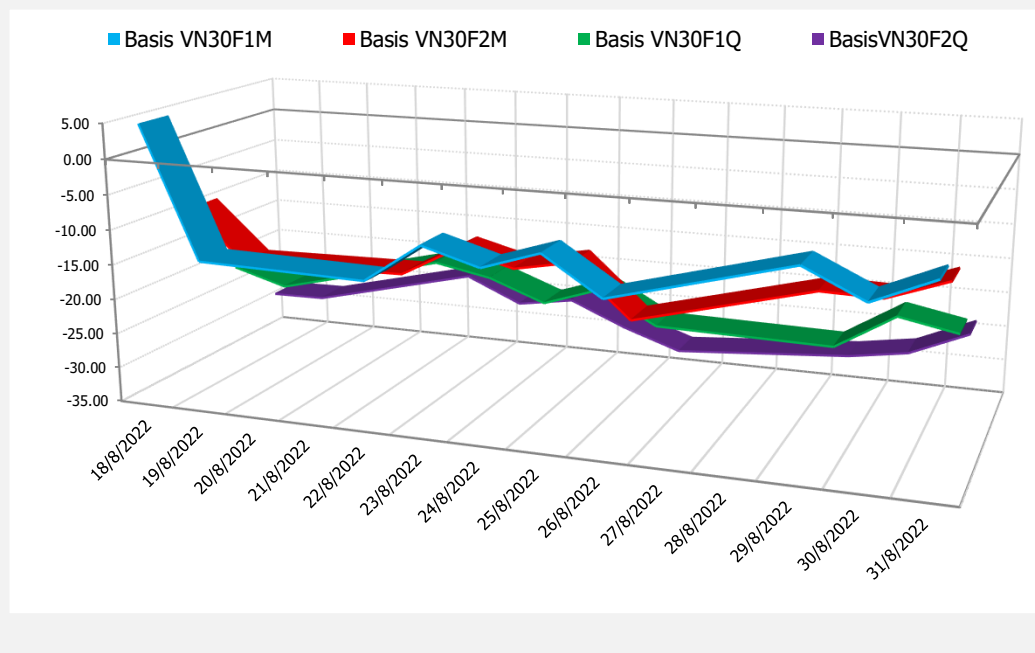


NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Basis của các HĐTL cải thiện so với phiên trước (-24,04 đến -7,54 điểm), điều này cho thấy nhà đầu tư vẫn đang dự phòng kịch bản rung lắc của chỉ số VN30-Index trong ngắn hạn.

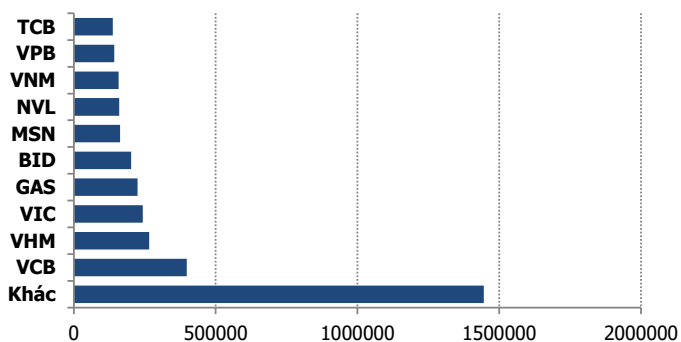
Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng giảm, hiện nằm trong khoảng -16,5 điểm đến -3,1 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2208-VN30F2207) giảm đi 0,6 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

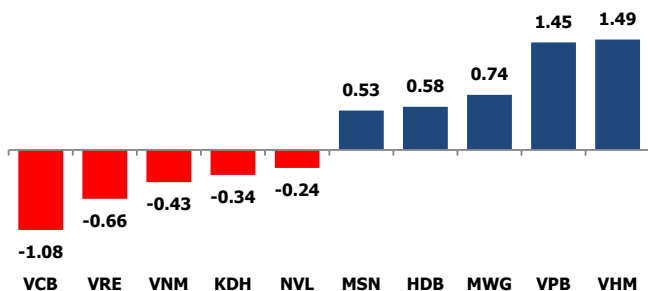


| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1280.51 | 1301.44 |
| Thay đổi | 1.12 | 3.30 |
| %Chg | 0.09 | 0.25 |
| YTD | -14.53 | -15.25 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,092.16 | 3,537.21 |
| P/E | 13.74 | 11.26 |
| P/B | 2.11 | 2.13 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính nới rộng đà hồi phục. Số mã tăng điểm (17) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (11) và 2 mã đứng tham chiếu. VHM và VPB trở thành hai trụ đóng góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +1,49 điểm và +1,45 điểm; ngoài ra MWG, HDB hay MSN cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 3,3 điểm (+0,25%) lên 1.301,44 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 112,08 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 4.037 tỷ đồng.

Khối ngoại quay lại bán ròng với 194,2 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực bán tập trung ở các mã như NVL (-104 tỷ đồng), KBC (-31 tỷ đồng), VRE (-30 tỷ đồng), HPG (-28 tỷ đồng), VJC (-28 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIndex | 1,280.51 | 0.09 | 13.74 | (14.53) |
| Dow Jones | 31,318.44 | (1.07) | 17.25 | (13.81) |
| S&P500 | 3,924.26 | (1.07) | 19.19 | (17.66) |
| Nikkei 225 | 27,650.84 | (0.04) | 27.90 | (3.96) |
| Shanghai | 3,186.48 | 0.05 | 13.90 | (12.45) |
| DAX | 13,050.27 | 3.33 | 12.56 | (17.84) |
| Vàng | 1,712.19 | 0.86 | | (6.40) |
| Dầu WTI | 86.87 | 0.30 | | 15.50 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|---------|---------|
| Thứ Hai - 29/08/2022 | | | |
| Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 7) | 0.2% | 0.3% | 1.3% |
| Thứ Ba - 30/08/2022 | | | |
| Mỹ - Niềm tin tiêu dùng của CB (Tháng 8) | 95.3 | 97.9 | 103.2 |
| Mỹ - Cơ hội việc làm của JOLTs (Tháng 7) | 11.040M | 10.475M | 11.239M |
| Thứ Tư - 31/08/2022 | | | |
| Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 8) | 49.0 | 49.2 | 49.4 |
| Đức - Thay đổi thất nghiệp (Tháng 8) | 45K | 28K | 28K |
| Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 8) | 8.9% | 9.0% | 9.1% |
| Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 6) | 358K | | 380K |
| Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 7) | 380K | | 268K |
| Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 8) | 268K | 300K | 132K |
| Canada - Tổng GDP (tháng/tháng) (Tháng 6) | 0.0% | 0.1% | 0.1% |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | -3.282M | -1.483M | -3.326M |
| Thứ Năm - 01/09/2022 | | | |
| Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất của Caixin (Tháng 8) | 50.4 | 50.2 | 49.5 |
| Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 8) | 49.3 | 49.8 | 49.1 |
| Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất (Tháng 8) | 46.0 | 46.0 | 47.3 |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 237K | 248K | 232K |
| Mỹ - Chỉ số PMI sản xuất của ISM (Tháng 8) | 52.8 | 52.0 | 52.8 |
| Thứ Sáu - 02/09/2022 | | | |
| Mỹ - Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 8) | 526K | 300K | 315K |
| Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 8) | 3.5% | 3.5% | 3.7% |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Sáu và khép lại tuần điều chỉnh thứ 3 liên tiếp. Bản báo cáo việc làm tháng 8 đã không thể xoa dịu nỗi lo sợ rằng Fed sẽ mạnh tay nâng lãi suất để ghìm cương lạm phát. Sau khi duy trì sắc xanh trong suốt phiên sáng, Dow Jones xóa sạch đà tăng 370 điểm và khép phiên với mức giảm 337,98 điểm (-1,1%) xuống 31.318,44 điểm. S&P 500 giảm ~1,1% còn 3.924,26 điểm, mức đóng cửa thấp nhất kể từ tháng 7. Chỉ số Nasdaq Composite hạ 1,3% còn 11.630,86 điểm, ghi nhận chuỗi 6 phiên giảm điểm liên tiếp đầu tiên kể từ năm 2019.
- Giá dầu tăng, do kỳ vọng OPEC+ sẽ thảo luận về việc cắt giảm sản lượng tại cuộc họp vào ngày 5/9/2022, song mỗi lo ngại các hạn chế Covid-19 của Trung Quốc và nền kinh tế toàn cầu suy yếu đã hạn chế đà tăng. Khép phiên, dầu thô Brent tăng 66 US cent lên 93,02 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 26 US cent lên 86,87 USD/thùng. Cả hai loại dầu đều giảm 3% xuống mức thấp nhất 2 tuần trong phiên trước đó.
- Giá vàng tăng gần 1%, do đồng USD giảm sau số liệu việc làm của Mỹ hầu như phù hợp với kỳ vọng, song giá vàng có tuần giảm thứ 3 liên tiếp, chịu áp lực bởi môi trường lãi suất tăng. Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0,8% lên 1.710,29 USD/ounce. Tính chung cả tuần, giá vàng giảm 1,5% và vàng kỳ hạn tháng 12/2022 trên sàn New York tăng 0,8% lên 1.722,6 USD/ounce.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VHM, VPB và MWG là những nhân tố chính duy trì đà tăng của chỉ số VN30. Trong đó, VHM đóng góp +1,49 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|----------|------|
| VPB | Banks | 7.86 | 31,800 | 1.44 | 2.09% | 266.52 | 1.45 | 8.47 | 1.56 |
| TCB | Banks | 7.06 | 38,950 | 0.52 | 1.29% | 88.142 | 0.47 | 6.75 | 1.32 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 6.42 | 86,600 | 0.23 | 1.40% | 101.27 | 0.19 | 19.19 | 4.86 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 6.33 | 61,000 | 1.84 | 2.85% | 172.097 | 1.49 | 9.42 | 2.19 |
| MWG | Specialty Retail | 6.03 | 74,000 | 0.95 | 2.07% | 337.888 | 0.74 | 21.53 | 4.84 |
| HPG | Metals & Mining | 5.85 | 23,000 | -0.22 | 1.76% | 344.054 | -0.17 | 4.84 | 1.34 |
| MSN | Food Products | 5.83 | 114,500 | 0.70 | 1.49% | 90.262 | 0.53 | 15.96 | 5.58 |
| ACB | Banks | 5.62 | 24,650 | 0.41 | 0.81% | 48.42 | 0.30 | 7.08 | 1.60 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 5.08 | 81,900 | -0.36 | 2.09% | 136.617 | -0.24 | 49.60 | 4.31 |
| VNM | Food Products | 5.02 | 75,500 | -0.66 | 1.19% | 125.841 | -0.43 | 18.62 | 4.62 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 4.83 | 63,700 | 0.16 | 3.14% | 79.737 | 0.10 | #N/A N/A | 2.28 |
| MBB | Banks | 4.71 | 23,750 | 0.42 | 1.70% | 164.246 | 0.26 | 6.85 | 1.59 |
| STB | Banks | 3.72 | 24,800 | 0.61 | 2.05% | 189.024 | 0.29 | 13.03 | 1.31 |
| VCB | Banks | 3.48 | 84,000 | -2.33 | 2.98% | 90.1 | -1.08 | 15.93 | 3.23 |
| HDB | Banks | 2.99 | 26,700 | 1.52 | 2.69% | 62.949 | 0.58 | 7.69 | 1.62 |
| VJC | Airlines | 2.62 | 121,600 | -0.65 | 1.16% | 63.719 | -0.22 | 690.23 | 3.83 |
| VIB | #N/A | 2.30 | 25,000 | 0.00 | 1.41% | 30.723 | #N/A | 7.33 | 1.87 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 2.00 | 27,700 | -2.46 | 2.53% | 57.624 | -0.66 | 48.55 | 1.98 |
| SSI | Capital Markets | 1.99 | 24,000 | 0.21 | 2.11% | 259.423 | 0.05 | 8.97 | 1.78 |
| TPB | Banks | 1.76 | 28,000 | 0.36 | 2.18% | 16.284 | 0.08 | 8.46 | 1.62 |
| CTG | Banks | 1.62 | 28,250 | -0.53 | 2.15% | 58.578 | -0.11 | 9.24 | 1.33 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.37 | 37,000 | -1.86 | 2.03% | 38.355 | -0.34 | 21.08 | 2.44 |
| PDR | Capital Markets | 1.18 | 55,200 | 0.18 | 2.39% | 125.78 | 0.03 | 17.70 | 4.81 |
| SAB | Food Products | 1.05 | 187,900 | 0.00 | 1.56% | 23.656 | 0.00 | 26.78 | 5.24 |
| GAS | Gas Utilities | 0.89 | 117,100 | -1.51 | 1.80% | 50.457 | -0.18 | 17.56 | 3.77 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.65 | 14,000 | 1.08 | 4.73% | 214.449 | 0.09 | 20.72 | 1.11 |
| BID | Banks | 0.64 | 40,000 | 0.50 | 1.52% | 64.784 | 0.04 | 15.61 | 2.22 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.43 | 42,200 | -0.12 | 1.07% | 46.207 | -0.01 | 58.40 | 2.31 |
| BVH | Beverages | 0.35 | 58,500 | 1.92 | 3.66% | 167.723 | 0.08 | 24.26 | 1.98 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.34 | 26,350 | -1.13 | 2.49% | 50.037 | -0.05 | 22.65 | 2.13 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đình Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |